UỶ BAN NHÂN DÂN **THỊ XÃ AN KHÊ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 5201/QĐ-UBND	*An Khê, ngày 08 tháng 11 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc điều chỉnh, bổ sung đồng thời thu hồi kinh phí tạm ứng thực hiện chính sách tinh giản biên chế theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP và Nghị định số113/2018/NĐ-CP

CHỦ TỊCH UỶ BAN NHÂN DÂN THỊ XÃ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 22/11/2015;

Căn cứ Nghị quyết số 42/NQ-HĐND ngày 28 tháng 7 năm 2021 của Hội đồng nhân dân thị xã An Khê về việc phân bổ nguồn kết dư ngân sách thị xã năm 2020; Văn bản số 22/HĐND-VP ngày 21/10/2021về việc cho ý kiến bổ sung kinh phí cải cách tiền lương năm 2021 từ nguồn kết dư NSNN năm 2020;

Trên cơ sở Quyết định số 446/QĐ-UBND ngày 31/7/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai về việc xuất ngân sách cấp tạm ứng cho UBND các huyện, thị xã và các đơn vị dự toán cấp tỉnh thực hiện chính sách tinh giản biên chế theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ đợt 1 năm 2019; Quyết định số 851/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND tỉnh Gia Lai về việc phê duyệt danh sách đối tượng và kinh phí giải quyết chính sách tinh giản biên chế 6 tháng đầu năm 2020 cho cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh Gia Lai; Quyết định số 310/QĐ-UBND ngày 08/7/2020 của UBND tỉnh Gia Lai về việc phê duyệt danh sách đối tượng và kinh phí giải quyết chính sách tinh giản biên chế 6 tháng cuối năm 2020 cho cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh Gia Lai; Quyết định số 585/QĐ-UBND ngày 10/9/2021 của UBND tỉnh Gia Lai về việc phê duyệt danh sách đối tượng và kinh phí giải quyết chính sách tinh giản biên chế 6 tháng cuối năm 2021 cho cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh Gia Lai; Văn bản số 1059/STC-QLNS ngày 26/4/2021 của Sở Tài chính tỉnh Gia Lai về kinh phí thực hiện chi trả chế độ chính sách tinh giản biên chế theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP và Nghị định số 113/2018/NĐ-CP;

Xét đề xuất của Trưởng phòng Tài chính – Kế hoạch thị xã tại văn bản số 489/TCKH-NS ngày 05/11/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Xuất ngân sách **3.322.306.000 đồng** *(Ba tỷ, ba trăm hai mươi hai triệu ba trăm linh sáu nghìn đồng)* bổ sung kinh phí thực hiện chính sách tinh giản biên chế theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP và Nghị định số 113/2018/NĐ-CP.

- Thu hồi kinh phí tạm ứng thực hiện chính sách tinh giản biên chế theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP và Nghị định số 113/2018/NĐ-CP:**1.691.814.000 đồng** *(Một tỷ, sáu trăm chín mươi mốt triệu tám trăm mười bốn nghìn đồng).*

- Điều chỉnh nguồn kinh phí thị xã tạm cấp thực hiện chính sách tinh giản biên chế năm 2020 theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP và Nghị định số 113/2018/NĐ-CP: **315.230.000 đồng** *(Ba trăm mười lăm triệu hai trăm ba mươi nghìn đồng).*

Chi tiết theo phụ lục đính kèm.

Nguồn kinh phí: Cải cách tiền lương năm 2021.

Điều 2. Phòng Tài chính - Kế hoạch thị xã lập thủ tục xuất ngân sách theo quy định, UBND các xã, phường và các đơn vị có tên tại điều 1 tiếp nhận kinh phí, sử dụng đúng mục đích, hoàn trả tạm ứng và quyết toán theo chế độ hiện hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thị xã, Trưởng Phòng Tài chính - Kế hoạch thị xã, Giám đốc Kho bạc nhà nước An Khê, Chủ tịch UBND các xã, phường và các đơn vị có tên tại điều 1, Thủ trưởng các cơ quan và đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:
- Như điều 3;
- Thường trực Thị ủy;
- Thường trực HĐND thị xã;
- Chủ tịch, các P.CT UBND thị xã;
- Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND thị xã:
- Lưu: VT, TCKH;

CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN THỊ XÃ AN KHÊ T. GIA LAI

Nguyễn Hùng Vỹ

PHỤ LỤC

KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH TINH GIẢN BIÊN CHẾ THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 108/2014/NĐ-CP VÀ NGHỊ ĐỊNH SỐ 113/2018/NĐ-CP CỦA CHÍNH PHỦ

(Đính kèm Quyết định số 5201/QĐ-UBND ngày 08/11/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã)

ĐVT: 1.000 đồng

TT	Đơn vị	Kinh phí thực hiện chế độ, chính sách tinh giản biên chế 6 tháng cuối năm 2021	Trong đó		Thu hồi nguồn KP tỉnh tạm ứng đồng thời bổ sung kinh phí thực hiện chế độ, chính sách tinh giản biên chế *(theo TB Kết luận của KTNN số 156/TB-TB-KV XII ngày 22/9/2021)*	*Trong đó: tỉnh tạm ứng theo QĐ số 446/QĐ-UBND ngày 31/7/2019 và thị xã tạm cấp theo Quyết định: số 1686/QĐ-UBND ngày 06/8/2019:*			Điều chỉnh nguồn KP thị xã tạm cấp đồng thời bổ sung kinh phí thực hiện chế độ, chính sách *(theo TB Kết luận của KTNN số 156/TB-TB-KV XII ngày 22/9/2021)*	*Trong đó: thị xã tạm cấp theo các Quyết định: số 817/QĐ-UBND ngày 06/5/2021; số 1224/QĐ-UBND ngày 23/6/2021*			Ghi chú
			Khối cơ quan QLNN	Khối đơn vị sự nghiệp công lập		Khối cơ quan QLNN	Khối đơn vị sự nghiệp công lập	Khối xã, phường		Khối các Hội	Khối cơ quan QLNN	Khối xã, phường	
A	B	1=2+3	2	3	4=5+6+7	5	6	7	8=9+10+11	9	10	11	12
	Tổng cộng	**1.630.492**	**147.419**	**1.483.073**	**1.691.814**	**143.531**	**1.378.490**	**169.793**	**315.230**	**162.718**	**-**	**152.512**	
A	**Bổ sung kinh phí thực hiện, chế độ, chính sách trong năm 2021**	**1.630.492**	**147.419**	**1.483.073**									
I	**Văn phòng HĐND và UBND**	**1.630.492**	**147.419**	**1.483.073**									
1	Lê Minh Hiền	147.419	147.419										
II	**Trường THCS Trưng Vương**	**215.644**	**-**	**215.644**									
2	Hà văn Em	215.644		215.644									
III	**Trường THCS Lê Hồng Phong**	**208.947**	**-**	**208.947**									
3	Thái Đình Thuyết	208.947		208.947									
IV	**Trường Tiểu học và THCS Võ Nguyên Giáp**	**180.958**	**-**	**180.958**									
4	Đặng Thành Lân	180.958		180.958									
V	**Trường Tiểu học Lý Tự Trọng**	**106.784**	**-**	**106.784**									
5	Hoàng Thị Lệ Huyền	106.784		106.784									
VI	**Trường Tiểu học Võ Thị Sáu**	**381.256**	**-**	**381.256**									
6	Bùi Văn Năm	208.916		208.916									

TT	Đơn vị	Kinh phí thực hiện chế độ, chính sách tinh giản biên chế 6 tháng cuối năm 2021	Trong đó		Thu hồi nguồn KP tỉnh tạm ứng đồng thời bổ sung kinh phí thực hiện chế độ, chính sách tinh giản biên chế *(theo TB Kết luận của KTNN số 156/TB-TB-KV XII ngày 22/9/2021)*	*Trong đó: tỉnh tạm ứng theo QĐ số 446/QĐ-UBND ngày 31/7/2019 và thị xã tạm cấp theo Quyết định: số 1686/QĐ-UBND ngày 06/8/2019:*			Điều chỉnh nguồn KP thị xã tạm cấp đồng thời bổ sung kinh phí thực hiện chế độ, chính sách *(theo TB Kết luận của KTNN số 156/TB-TB-KV XII ngày 22/9/2021)*	*Trong đó: thị xã tạm cấp theo các Quyết định: số 817/QĐ-UBND ngày 06/5/2021; số 1224/QĐ-UBND ngày 23/6/2021*			Ghi chú
			Khối cơ quan QLNN	Khối đơn vị sự nghiệp công lập		Khối cơ quan QLNN	Khối đơn vị sự nghiệp công lập	Khối xã, phường		Khối các Hội	Khối cơ quan QLNN	Khối xã, phường	
A	B	1=2+3	2	3	4=5+6+7	5	6	7	8=9+10+11	9	10	11	12
7	Nguyễn Thị Bông	172.340		172.340									
VII	**Trường Mầm non Hoạ Mi**	**209.327**	**-**	**209.327**									
8	Lê Thị Dung	209.327		209.327									
VIII	**Trường Mẫu Giáo Hoa Sen**	**180.157**	**-**	**180.157**									
9	Võ Thị Hồng Thu	180.157		180.157									
B	**Thu hồi, đồng thời bổ sung kinh phí thực hiện chế độ, chính sách**				**1.691.814**	**143.531**	**1.378.490**	**169.793**	**315.230**	**162.718**	**-**	**152.512**	
I	**Phòng Tài nguyên và Môi trường**				**143.531**	**143.531**							
1	Đinh Xuân Phùng				143.531	143.531							
II	**Trường Mẫu giáo Hoa mai**				**241.760**		**241.760**						
2	Mai Văn Hồ				241.760		241.760						
III	**Trường THCS Lê Hồng Phong**				**475.694**		**475.694**						
3	Nguyễn Thanh Tùng				128.413		128.413						
4	Nguyễn Thị Ngọc Tuyền				155.029		155.029						
5	Nguyễn Nghĩa				192.252		192.252						
IV	**Trường THCS Nguyễn Du**				**139.786**		**139.786**						
6	Dương Thị Quỳnh Giao				139.786		139.786						
V	**Trường TH Võ Thị Sáu**				**217.127**		**217.127**						
7	Huỳnh Thế Thiều				217.127		217.127						
	Trường TH Trần Phú				**194.835**		**194.835**						
8	Lê tất Giong				194.835		194.835						
VI	**Trung tâm VH,TT và thể thao**				**109.288**		**109.288**						
9	Nguyễn Chí Phượng				109.288		109.288						
VII	**UBND phường Tây Sơn**				**124.443**			**124.443**					

TT	Đơn vị	Kinh phí thực hiện chế độ, chính sách tinh giản biên chế 6 tháng cuối năm 2021	Trong đó		Thu hồi nguồn KP tỉnh tạm ứng đồng thời bổ sung kinh phí thực hiện chế độ, chính sách tinh giản biên chế *(theo TB Kết luận của KTNN số 156/TB-TB-KV XII ngày 22/9/2021)*	*Trong đó: tỉnh tạm ứng theo QĐ số 446/QĐ-UBND ngày 31/7/2019 và thị xã tạm cấp theo Quyết định: số 1686/QĐ-UBND ngày 06/8/2019:*			Điều chỉnh nguồn KP thị xã tạm cấp đồng thời bổ sung kinh phí thực hiện chế độ, chính sách *(theo TB Kết luận của KTNN số 156/TB-TB-KV XII ngày 22/9/2021)*	*Trong đó: thị xã tạm cấp theo các Quyết định: số 817/QĐ-UBND ngày 06/5/2021; số 1224/QĐ-UBND ngày 23/6/2021*			Ghi chú
			Khối cơ quan QLNN	Khối đơn vị sự nghiệp công lập		Khối cơ quan QLNN	Khối đơn vị sự nghiệp công lập	Khối xã, phường		Khối các Hội	Khối cơ quan QLNN	Khối xã, phường	
A	B	1=2+3	2	3	4=5+6+7	5	6	7	8=9+10+11	9	10	11	12
10	Nguyễn Văn Công				124.443			124.443					
VIII	**UBND phường An Phước**				**45.350**			**45.350**					
11	Vũ Đình Liêu				45.350			45.350					
IX	**Hội chữ thập đỏ thị xã An Khê**								**162.718**	**162.718**			
12	Trần Minh Hùng								162.718	162.718			
X	**UBND xã Song An**								**152.512**			**152.512**	
13	Nguyễn Ngọc Toàn								152.512			152.512	